Phần 4. BỆNH HẦU HỌNG, MIỆNG LƯỠI

55. **Bệnh hầu họng:** *Quyền tiêm.*
56. **Viêm hầu họng:** *Biển đào, Á ô.*
57. **Viêm họng cấp mạn:** *Thượng Liêm tuyền, Hồng âm.*
58. **Viêm họng:** *Nội Nghinh hương, Hạ Phù đột, Thất cảnh chùy bàng.*
59. **Đau họng:** *Bát tà, Thượng Bát tà, Lạc chẩm, Tiểu cốt không.*
60. **Đau hầu họng:** *Tân thức.*
61. **Viêm amiđan (amygdale):** *Thất cảnh chùy bàng, Nội khỏa tiêm, Kim tân, Ngọc dịch, Bản môn, Bàng Lao cung, Minh nhỡn, Tam thương, Biển đào.*
62. **Bệnh ở thanh đới:** *Hồng âm, Á huyệt, Bàng liêm tuyền, Cường âm, Tăng âm.*
63. **Trúng gió mất tiếng:** *Ngoại kim tân, Ngoại ngọc dịch.*
64. **Tiếng nói không rõ:** *Thượng liêm tuyền.*
65. **Mất tiếng:** *Cường âm, Tăng âm.*
66. **Câm:** *Cường âm, Tăng âm, Thượng Liêm tuyền, Á huyệt.*
67. **Viêm lưỡi:** *Hải tuyền, Kim tân, Ngọc dịch.*
68. **Lưỡi sưng to:** *Bàng Liêm tuyền.*
69. **Lưỡi nặng:** *Thiệt trụ.*
70. **Cơ lưỡi tê bại:** *Tụ tuyền, Ngoại Kim tân, Ngoại Ngọc dịch.*
71. **Viêm lợi răng:** *Nữ tất.*
72. **Lợi răng có mủ:** *Vị nhiệt huyệt.*
73. **Loét chân răng:** *Giáp nội.*
74. **Viêm vòm miệng:** *Thủ trung bình, Nội Dương trì, Ngoại Kim tân, Ngoại Ngọc dịch, Thượng Liêm tuyền.*
75. **Loét vòm miệng:** *Kim tân, Ngọc dịch, Giáp nội, Khiên chính.*
76. **Chảy dãi:** *Thượng Liêm tuyền.*
77. **Đau răng:** *Thống linh, Nha thống, Bát phong, Thượng Bát phong, Bát tà, Thượng Bát tà, Nội khỏa tiêm, Dung hậu, Châu đỉnh, Trạch hạ, Bàng lao cung, Ngoại khỏa tiêm.*
78. **Đau hàm dưới:** *Địa hợp.*
79. **Đau răng hàm dưới:** *Hạ Ôn lưu.*
80. **Viêm xoang hàm:** *Tam trì, Tỵ thông, Sơn căn, Ngạch trung.*

Bản quyền: www.dokinhlac.com.vn